

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC – MÔN SINH HỌC 10– TUẦN 3

BÀI 2. CÁC GIỚI SINH VẬT

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài này, HS cần : Nêu được khái niệm giới.

- Trình bày được hệ thống phân loại sinh giới (hệ thống 5 giới). - Nêu được đặc điểm chính của mỗi giới sinh vật (giới Khởi sinh, giới Nguyên sinh, giới Nấm, giới Thực vật, giới Động vật).

- Rèn luyện kỹ năng quan sát, thu nhận kiến thức từ sơ đồ, hình vẽ.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Kiến thức trọng tâm phần này là :

- Cách phân loại thành 5 giới sinh vật.

Đặc điểm chính của mỗi giới sinh vật. Những nội dung cần lưu ý :

- Hệ thống 5 giới của Oaitâyơ và Magulis chủ yếu dựa trên ba tiêu chí : loại tế bào nhân sơ hay nhân thực, mức độ tổ chức của cơ thể và kiểu dinh dưỡng. Chính nhờ có những tiêu chí đó mà Oaitâyơ và Magulis đã tách nấm ra khỏi thực vật, thiết lập một giới riêng là giới Nấm. Chữ "giới" tiếng Anh là kingdom và tên khoa học là regnum.

- Đến nay, dưới ánh sáng của những thành tựu về sinh học phân tử cho thấy giới Nguyên sinh gồm các cơ thể đơn bào hay đa bào nhân thực với các kiểu trao đổi chất rất khác nhau : tảo – quang tự dưỡng, nấm nhầy đơn bào – dị dưỡng, động vật đơn bào – dị dưỡng hoặc tự dưỡng.

III – TIẾN TRÌNH BÀI HỌC

1. Mở bài

Thế giới sinh vật đa dạng, phong phú được phân thành bao nhiêu giới ? Đặc điểm của mỗi giới là gì ? Đó là vấn đề sẽ được giải quyết trong bài học này.

2. Hướng dẫn học bài mới

a) Giới và hệ thống phân loại 5 giới

* Khái niệm giới :

HS đọc SGK để trả lời câu hỏi : Thế nào là giới ?

→ Giới sinh vật là đơn vị phân loại lớn nhất, bao gồm các ngành sinh vật có chung những đặc điểm nhất định.

* Hệ thống phân loại 5 giới sinh vật (hình 2 SGK), HS quan sát, nghiên cứu SGK và nêu các giới sinh vật.

→ Thế giới sinh vật được chia làm 5 giới đó là giới Khởi sinh, giới Nguyên sinh, giới Nấm, giới Thực vật, giới Động vật.

b) Đặc điểm chính của mỗi giới

HS nghiên cứu SGK để có cơ sở cho việc đánh dấu + vào ô trống trong phiếu học tập:

Giới	Đại diện	Nhân sơ	Nhân thực	Đơn bào	Đa bào	Tự dưỡng	dị dưỡng
Khởi sinh	Vi khuẩn						
Nguyên sinh	Tảo						
	Nấm nhày						
	ĐVNS						
Nấm	Nấm men						
	Nấm sợi						
Thực vật	Rêu, quyết h.trần, h.kín						
Động vật	Đ vật có dây sống, cá, lưỡng cư						

HS nghiên cứu SGK, tự thu nhận kiến thức và đánh dấu + vào ô trống để hoàn thành phiếu học tập.

Đáp án:

Giới	Đại diện	Nhân sơ	Nhân thực	Đơn bào	Đa bào	Tự dưỡng	dị dưỡng
Khởi sinh	Vi khuẩn	x		x		x	x
Nguyên sinh	Tảo		x	x	x	x	
	Nấm nhày		x	x			x
	ĐVNS		x	x		x	x
Nấm	Nấm men		x	x			x
	Nấm sợi		x		x		x
Thực vật	Rêu, quyết h.trần, h.kín		x		x	x	
Động vật	Đ vật có dây sống, cá, lưỡng cư		x		x		x

3. củng cố và hoàn thiện kiến thức

HS đọc phần tóm tắt cuối bài để nắm được :

- Hệ thống phân loại 5 giới.
- Các giới sinh vật và đại diện cho từng giới.

IV – NỘI DUNG GHI BÀI: HS ghi tóm tắt bài học vào tập:

BÀI 2: CÁC GIỚI SINH VẬT

I. Giới và hệ thống phân loại 5 giới:

1. Khái niệm giới:

- Giới sinh vật là đơn vị phân loại ***lớn nhất***, bao gồm các ngành sinh vật có chung ***những đặc điểm nhất định***.

- Giới → ngành → lớp → bộ → họ → chi (giống) → loài

2. Hệ thống phân loại 5 giới:

- Giới Khởi sinh (Monera) → Tế bào nhân sơ
 - Giới Nguyên sinh (Protista)
 - Giới Nấm (Fungi)
 - Giới Thực vật (Plantae)
 - Giới Động vật (Animalia)
- } Tế bào nhân thực

II. Đặc điểm chính của mỗi giới:

1. Giới Khởi sinh: (Monera)

- Gồm những loài **vi khuẩn nhân sơ có kích thước rất nhỏ 1- 5 μm**.
- Môi trường sống: **đất, nước, không khí, trên cơ thể sinh vật khác**.
- Phương thức sống đa dạng: **hoại sinh, quang tự dưỡng, hoá tự dưỡng**.

2. Giới Nguyên sinh: (Protista)

- Gồm những ngành: Tảo, Nấm nhầy và Động vật nguyên sinh
- Tảo: Sinh vật **nhân thực**, đơn bào hoặc đa bào, là sinh vật **quang tự dưỡng** (cơ thể có **diệp lục**)
- Nấm nhầy: Sinh vật **nhân thực**, cơ thể tồn tại ở 2 pha **đơn bào và hợp bào**, là sinh vật **dị dưỡng**, sống **hoại sinh**.
- Động vật nguyên sinh: Sinh vật **nhân thực**, **đơn bào**, rất đa dạng, sống **dị dưỡng** hoặc **tự dưỡng**.

3. Giới Nấm: (Fungi)

- Gồm những sinh vật **nhân thực**, đơn bào hoặc đa bào. Thành tế bào chứa **kitin**
- Sinh sản **hữu tính và vô tính** (nhờ **bào tử**).
- Hình thức sống dị dưỡng: **hoại sinh, ký sinh, cộng sinh**.

4. Giới Thực vật: (Plantae)

- Gồm: Rêu, Quyết, Hạt trần, Hạt kín.
- Sinh vật **nhân thực**, **đa bào** thành tế bào cấu tạo bằng **xenlulôzơ**

- Là sinh vật **tự dưỡng**, có khả năng **quang hợp** (có diệp lục), sống **cố định**, cảm ứng **chậm**.

5. **Giới Động vật:**(*Animalia*)

- Gồm: Thân lỗ, Ruột khoang, Giun dẹp, Giun tròn, Giun đốt, Thân mềm, Chân khớp, Da gai và Động vật có dây sống.
- Sinh vật **nhân thực, đa bào** có cấu trúc **phức tạp** với các cơ quan và hệ cơ quan chuyên hoá cao.
- Hình thức sống: **dị dưỡng** và có khả năng **di chuyển**.

V- ÔN TẬP

HS trả lời các câu hỏi cuối bài trong SGK

Câu 1. Đáp án b.

Câu 2. Xem mục II. 1, 2, 3 SGK để trả lời.

Câu 3. Đáp án d.